Ngày soạn: 11/9/2024 Tiết theo KHGD: 6,7

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**§3. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ TỰ NHIÊN**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Phép cộng, phép trừ và các tính chất của phép cộng các số tự nhiên.

- Vận dụng các tính chất trên vào các bài tập tính nhẩm, tính nhanh và tìm .

- Biết vận dụng hợp lý các tính chất của phép cộng vào giải toán. Biết sử dụng máy tính bỏ túi.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép cộng, phép trừ các số tự nhiên.

**2. Về năng lực:**

**\*Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**\*Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực giao tiếp toán học, sử dụng ngôn ngữ toán: HS chuyển đổi ngôn ngữ, từ ngôn ngữ thông thường sang đọc (nói), viết, như kí hiệu các tính chất của phép cộng các số tự nhiên.

- Năng lực mô hình hóa toán học: Vận dụng các tính chất của phép cộng các số tự nhiên linh hoạt trong các bài toán...

- Năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học cho học sinh: Thông qua những bài toán tính nhanh, tìm , tính nhẩm.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Khai thác các tình huống được ứng dụng trong thực tiễn cuộc sống: như tính chiều dài quãng đường, lượng nước cơ thể người trưởng thành mất và cần bổ sung trong một ngày...

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: miệt mài, chú ý lắng nghe, đọc, làm bài tập,

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, sách bài tập, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** HS được tái hiện kiến thức về phép cộng các số tự nhiên thông qua bài toán GV đưa ra.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu hoàn thành các câu hỏi mà giáo viên đưa ra.

**c) Sản phẩm:** Các kiến thức đã học về phép cộng các số tự nhiên.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập:**  **-** GV tổ chức hoạt động cặp đôi cho HS tham gia “Du lịch qua màn ảnh nhỏ” với lộ trình du lịch Hà Nội - Huế - TP. Hồ Chí Minh.  Nếu quãng đường từ Hà Nội – Huế dài khoảng 658km và quãng đường từ Huế - TP.Hồ Chí Minh dài hơn quãng đường từ Hà Nội – Huế là 394km. Cho biết:  + Quãng đường từ Huế - TP.Hồ Chí Minh là bao nhiêu km?  + Chiều dài quãng đường từ Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh.  - Hãy nêu cách tính quãng đường từ Huế đến TP.Hồ Chí Minh và quãng đường từ Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ:**  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động cặp đôi.  *Hướng dẫn hỗ trợ:*  + Làm thế nào để tính chiều dài quãng đường từ Huế đến TP. Hồ Chí Minh?  + Làm thế nào để tính chiều dài quãng đường từ Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh?  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi của giáo viên.  - HS cả lớp quan sát nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV đặt vấn đề vào bài. | + Chiều dài quãng đường từ Huế đến TP. Hồ Chí Minh là:    + Chiều dài quãng đường từ Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh là: |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**HĐ 2.1. Phép cộng**

**a) Mục tiêu:** HS được ôn lại kiến thức về tổng của hai số tự nhiên, phát biểu và viết được dạng tổng quát các tính chất của phép cộng, làm được một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu nhắc lại về phép cộng, tính chất của phép cộng các số tự nhiên, làm ví dụ 1 (SGK trang 15) và luyện tập 1 (SGK trang 16).

**c) Sản phẩm:**

+ Phép cộng:



Số hạng Số hạng Tổng

+ Tính chất của phép cộng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tính chất | Phát biểu | Kí hiệu |
| Giao hoán | Khi đổi chỗ các số hạng trong một tổng thì tổng không hay đổi |  |
| Kết hợp | Muốn cộng một tổng hai số với số thứ ba ta có thể cộng số thứ nhất với tổng của số thứ hai và số thứ ba |  |
| Cộng với số | Bất kì số nào cộng với  cũng bằng chính nó |  |

+ Lời giải ví dụ 1 (SGK trang 15) và luyện tập 1 (SGK trang 16).

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS thực hiện:  + Hãy cho biết người ta dùng kí hiệu nào để  chỉ phép cộng?  + Nêu các thành phần của phép cộng , đó là số hạng và tổng  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động cá nhân.  *Hướng dẫn hỗ trợ:* Dựa vào kiến thức đã học ở lớp dưới để nhắc lại kiến thức về phép cộng các số tự nhiên.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS đứng tại chỗ trả lời câu hỏi của giáo viên.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức.  **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS thực hiện:  + Hãy nêu các tính chất của phép cộng các số tự nhiên đã học ở tiểu học?  + GV treo bảng tính chất của phép cộng yêu cầu HS hoạt động nhóm cặp trong 2 phút để hoàn thành bảng   |  |  | | --- | --- | | Tính chất | Kí hiệu | | ...... |  | | Kết hợp |  | | ...... |  |   - Thiết bị học liệu: bảng phụ, bảng nhóm.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động cặp đôi.  *Hướng dẫn hỗ trợ:*  + Nêu tính chất của phép cộng các số tự nhiên thông qua phát biểu bằng lời và biểu thức đại số của mỗi tính chất  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS đứng tại chỗ trình bày tính chất phép cộng các số tự nhiên.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức: Các tính chất của phép cộng thông qua phát biểu bằng lời và biểu thức đại số mỗi tính chất | **I. Phép cộng**    Số hạng Số hạng Tổng  - Tính chất của phép cộng: Phép cộng các số tự nhiên có tính giao hoán, kết hợp và cộng với số .   |  |  | | --- | --- | | Tính chất | Kí hiệu | | Giao hoán |  | | Kết hợp |  | | Cộng với số |  | |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm thực hiện ví dụ 1: Tính một các hợp lý  a)  b)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động nhóm, 2 bàn một nhóm.  *Hướng dẫn hỗ trợ:*  + Câu a: để tính toán hợp lý ta áp dụng tính chất gì?  + Câu b: để tính toán hợp lý ta lần lượt áp dụng các tính chất gì?  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Gọi 1 HS đại diện nhóm lên bảng trình bày.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức: Sử dụng tính chất giao hoán và kết hợp để tính một cách hợp lý trên cơ sở đưa về tính trước các tổng tròn trăm. | **Ví dụ 1 (SGK trang 15)** Tính một các hợp lý  a)  (tính chất kết hợp)    b)  (tính chất giao hoán)  (tính chất kết hợp)    *Lưu ý:* Do tính chất kết hợp nên giá trị của biểu thức  có thể được tính theo một trong hai cách sau:    hoặc |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 4:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm thực hiện bài luyện tập 1 trang 16 SGk.  - GV yêu cầu HS:  + Nêu cách tính số tiền mà mẹ An đã chi?  + Có thể tính hợp lý trong phép tính này không?  + Sử dụng tính chất nào để làm bài toán?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động nhóm.  *Hướng dẫn hỗ trợ:*  + TH1: Sử dụng tính chất kết hợp để tính số tiền mẹ An đã chi (tính hợp lý).  + TH2: HS tính theo thứ tự thì sẽ yêu cầu HS nêu cách làm khác.  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - Gọi 1 HS đại diện nhóm lên bảng trình bày.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức. | **Luyện tập 1 (SGK trang 16)**  Số tiền mà mẹ An đã chi là:        (đồng) |

**HĐ 2.2. Phép trừ**

**a) Mục tiêu:** HS được ôn lại kiến thức về hiệu của hai số tự nhiên, làm được một số bài tập cụ thể.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu nhắc lại về phép trừ và các lửu ý về phép trừ các số tự nhiên, làm ví dụ 2 (SGK trang 16) và luyện tập 2 (SGK trang 16).

**c) Sản phẩm:**

+ Phép trừ



Số bị trừ Số trừ Hiệu

+ Lưu ý:

 thì 

 thì 

+ Lời giải ví dụ 2 (SGK trang 16) và luyện tập 2 (SGK trang 16).

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS thực hiện:  **+** Khi nào thì ta có phép trừ hai số tự nhiên  và ?  + Nêu các thành phần của phép trừ , đó là số bị trừ, số trừ và hiệu.  + Nêu điều kiện để thực hiện được phép trừ.  + Nêu cách tìm số bị trừ, số trừ trong một hiệu?  + Trong một tổng, muốn tìm số hạng chưa biết thì ta làm như thế nào?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động cặp đôi.  *Hướng dẫn hỗ trợ:* Mối liên hệ giữa số bị trừ, số trừ và hiệu thông qua chuyển đổi phép toán từ hiệu sang tổng:  + Số bị trừ bằng số trừ cộng với hiệu.  + Số trừ bằng số bị trừ trừ đi hiệu.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi của giáo viên.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức: nắm đượcmối liên hệ giữa số bị trừ, số trừ và hiệu thông qua chuyển đổi phép toán từ hiệu sang tổng  +  thì  +  thì | **II. Phép trừ**    Số bị trừ Số trừ Hiệu  *Lưu ý:*  +  thì  +  thì |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm thực hiện ví dụ 2 trang 16 SGK: Tìm số tự nhiên , biết  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động nhóm.  *Hướng dẫn hỗ trợ:*  + Làm thế nào để tìm ?  +  đóng vai trò gì trong phép tính?  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - HS suy nghĩ trả lời các câu hỏi của giáo viên.  - Gọi 1 HS đại diện nhóm lên bảng trình bày bài làm.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức: Vận dụng quy tắc chuyển đổi từ phép cộng sang phép trừ trong bài toán tìm . | **Ví dụ 2 (SGK trang 15)**  Từ  ta có:      Vậy |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Giáo viên yêu cầu HS hoạt động nhóm, 2 bàn một nhóm thực hiện bài luyện tập 2 trang 16 SGK  - Yêu cầu HS tự nghiên cứu VD2 trong SGK trong và trả lời các câu hỏi:  +) có vai trò gì trong phép tính ở câu a? Nêu cách tìm ?  +)  đóng vai trò gì trong phép trừ? Từ đó ta tìm  như thế nào?  - Yêu cầu HS làm bài 2.  +) Thực hiện phép tính nào đầu tiên ? Vì sao?  +) Nêu cách tìm ?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động nhóm.  *Hướng dẫn hỗ trợ:*  + Làm thế nào để tìm ?  +  đóng vai trò gì trong phép tính ?  +  đóng vai trò gì trong phép tính ?  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Gọi 1 HS đại diện nhóm lên bảng trình bày bài làm.  - HS cả lớp quan sát, nhận xét câu trả lời của bạn.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức: Vận dụng quy tắc chuyển đổi từ phép cộng sang phép trừ và ngược lại trong bài toán tìm . | **Luyện tập 2 (SGK trang 16)**            Vậy |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** HS rèn luyện được các phép tính cộng, trừ và tính chất của phép cộng các số tự nhiên để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu làm các bài tập: bài 1a, c; bài 2a, b; bài 3a, b; bài 4 trang 16, 17 SGK.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập: bài 1a, c; bài 2a, b; bài 3a, b; bài 4 trang 16, 17 SGK.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1:**  - GV yêu cầu HS làm bài 1a, c: Tính  a)  c)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động nhóm, 2 bàn một nhóm.  *Hướng dẫn hỗ trợ:* Ta áp dụng các tính chất nào để thực hiện phép tính?  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - Đại diện 1 HS  lên bảng trình bày bài làm của nhóm.  - Các nhóm còn lại đổi bài kiểm tra chéo, chú ý theo dõi, quan sát nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức: Vận dụng tính chất giao hoán và kết hợp để tính một cách hợp lý trên cơ sở đưa về tính trước các tổng tròn trăm. | **Bài 1 (SGK trang 16)** Tính  a)        c) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Yêu cầu HS nghiên cứu cách làm mẫu của ví dụ trong bài 2  Ví dụ:    (tính chất kết hợp)    - GV yêu cầu HS làm bài 2a, b: Tính nhẩm  a)  b)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động nhóm, mỗi tổ làm một nhóm.  *Hướng dẫn hỗ trợ:* Đầu tiên ta thực hiện tách , sau đó ta dùng tính chất kết hợp để nhóm trên cơ sở các tổng tròn trăm, tròn nghìn.  a) Ta thực hiện tách như thế nào?  C1: Tách  C2: Tách  b) Tương tự ta thực hiện như thế nào?  HS có thể làm theo nhiều cách.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - Đại diện 1 HS của mỗi tổ lên bảng trình bày bài.  - HS còn lại chú ý theo dõi, quan sát nhận xét bài làm của các bạn.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức: Thực hiện tách số thích hợp và vận dụng tính chất giao hoán và kết hợp để tính một cách hợp lý trên cơ sở đưa về tính trước các tổng tròn trăm, tròn nghìn. | **Bài 2 (SGK trang 16)** Tính nhẩm  a) Cách 1:          Cách 2:          b) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Yêu cầu HS nghiên cứu cách làm mẫu của ví dụ trong bài 3  Ví dụ:      - GV yêu cầu HS làm bài 3a, b: Tính  a)  b)  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động nhóm, 2 bàn một nhóm.  *Hướng dẫn hỗ trợ:* Ta thực hiện thêm bớt số hạng thích hợp trong phép trừ để tạo thành các số tròn trăm, tròn nghìn.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - Đại diện 1 HS  lên bảng trình bày bài làm của nhóm.  - Các nhóm còn lại đổi bài kiểm tra chéo, chú ý theo dõi, quan sát nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức. | **Bài 3 (SGK trang 17)** Tính nhẩm  a)    b) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 5:**  - Hướng dẫn HS tính bằng máy tính cầm tay bài 6/SGK câu a.  + Máy tính thường.  + Máy tính Casio fx570VN PLUS.  - Tổ chức thi bấm máy tính nhanh câu b, c  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 5:**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động cặp đôi.  *Hướng dẫn hỗ trợ:* Hướng dẫn học sinh bước đầu làm quen với máy tính, làm quen với các phím chức năng và công dụng của chúng.  **\* Báo cáo, thảo luận 5:**  - HS: đứng tại chỗ trả lời  - HS còn lại chú ý theo dõi, quan sát nhận xét bài làm của các bạn  **\* Kết luận, nhận định 5:**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV đánh giá về việc sử dụng MTCT của HS. | **Bài 6 (SGK trang 17)**  a)  b)  c) |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh biết vận dụng kiến thức đã học vào các bài toán thực tế

**b) Nội dung:** HS được yêu cầu làm bài tập 4, 5 trang 17 SGK.

**c) Sản phẩm:** Lời giải bài tập 5 trang 17 SGK.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm bài 4 trang 17 SGK.  Dựa vào bảng giờ tàu chạy:  + Làm thế nào để tính quãng đường từ ga Gia Lâm đến ga Hải Dương, từ ga Hải Dương đến ga Hải Phòng?  + Làm thế nào để tính thời gian tàu đi từ ga Hà Nội đến ga Hải Dương, từ ga Hà Nội đến ga Hải Phòng?  + Làm thế nào để tính được thời gian thực chạy của tàu?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, quan sát và thực hiện các yêu cầu của giáo viên.  - Phương thức hoạt động: HS hoạt động nhóm, 2 bàn một nhóm.  *Hướng dẫn hỗ trợ:* Để tính thời gian thực chạy của tàu ta lấy thời gian tàu đi được trừ đi thời gian tàu nghỉ ở các ga.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện 1 HS  lên bảng trình bày bài làm của nhóm.  - Các nhóm còn lại đổi bài kiểm tra chéo, chú ý theo dõi, quan sát nhận xét bài làm của bạn.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS.  - GV chốt lại kiến thức. | **Bài 4 (SGK trang 17)**  a) Quãng đường tàu đi từ ga Gia Lâm đến ga Hải Dương là:  (km)  Quãng đường tàu đi từ ga Hà Nội đến ga Hải Phòng là:  (km)  b) Thời gian tàu đi từ ga Hà Nội đến ga Hải Dương là:  7 giờ 15 phút – 6 giờ 00 phút = 1 giờ 15 phút  Thời gian tàu đi từ ga Hà Nội đến ga Hải Phòng là:  8 giờ 25 phút – 6 giờ 00 phút = 2 giờ 25 phút  c) Tàu dừng ở ga Hải Dương là 5 phút và ga Phú Thái là 2 phút.  d) Thời gian tàu đi từ ga Gia Lâm đến ga Hải Phòng là:  8 giờ 25 phút – 6 giờ 16 phút = 2 giờ 9 phút  Tàu đều dừng 2 phút ở ga Cẩm Giàng, ga Phú Thái và ga Thượng Lý.  Tàu dừng 5 phút ở ga Hải Dương.  Vậy thời gian thực tàu chạy trên quãng đường từ ga Gia Lâm đến ga Hải Phòng là:  2 giờ 9 phút – (2 phút x 3) – 5 phút  = 1 giờ 58 phút |
| **Giao nhiệm vụ học tập**: Yêu cầu tìm số lượng nước mà cơ thể một người trưởng thành mất đi trong một ngày và lượng nước mà cơ thể một người trưởng thành cần bổ sung trong một ngày.  **HS thực hiện nhiệm vụ**  HS hoạt động nhóm ở nhà bài tập trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.  **Báo cáo, thảo luận**   * Đại diện nhóm trình bày => Chấm điểm các nhóm lấy điểm thường xuyên (2 nhóm) * HS các nhóm khác nhận xét   **Kết luận, nhận định**  - Thông qua bài toán, GV tích hợp liên môn “Clip về vai trò của nước đối với cơ thể” và giáo dục kĩ năng sống cho học sinh về lượng nước hợp lý trong một ngày cần uống và cách uống nước như thế nào. | **Bài 5:**  a) Lượng nước mà cơ thể một người trưởng thành mất đi trong một ngày khoảng:  450 + 550 + 150 + 350 + 1 500  = 3 000 (ml)  b) Lượng nước cần phải uống thêm là:  3 000 - 1 000=2 000 (ml) |

**⏩ Hướng dẫn tự học ở nhà**

**-** Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

**-** Làm các bài tập còn lại trong SGK: bài 1b, d; bài 2c, d; bài 3c, d trang 16, 17 SGK.

**-** Chuẩn bị giờ sau:“Phép nhân, phép chia các số tự nhiên”.